TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ - KHÓA 2019

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH31901172	Phạm Đoàn Minh	An	D19_DDT01																												5.10	5.64	0.00	6.00	5.58	40/64	20/27				ĐẠT	DH19
2	DH31901879	Đào Xuân	Bình	D19_DDT01																												5.75	5.80	6.00	6.00	5.97	53/64	24/27				ĐẠT	DH19
3	DH31900737	Hồ Văn Khánh	Duy	D19_DDT01																												5.85	6.64	6.00	6.47	6.44	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
4	DH31901956	Nguyễn Công	Duy	D19_DDT01																												5.10	6.04		6.32	5.83	54/64	24/27				ĐẠT	DH19
5	DH31902632	Nguyễn Phước	Duy	D19_DDT01																												6.65	6.60		7.59	7.08	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
6	DH31900014	Phạm Ngọc	Duy	D19_DDT01																												5.75	5.20		6.21	5.67	50/64	23/27				ĐẠT	DH19
7	DH31905281	Đỗ Thành	Đạt	D19_DDT01																												6.95	6.00	6.00	7.11	6.77	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
8	DH31900720	Nguyễn Phước	Đạt	D19_DDT01																												5.55	6.88	6.00	7.36	6.89	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
9	DH31900567	Lê Hoàng	Giang	D19_DDT01																												6.55	6.44		7.00	6.64	60/64	26/27				ĐẠT	DH19
10	DH31903552	Nguyễn Duy	Hiền	D19_DDT01																												5.10	5.20	0.00	6.42	5.53	43/64	21/27				ĐẠT	DH19
11	DH31903621	Nguyễn Huy	Hoàng	D19_DDT01																												4.90	1.40	2.00	0.53	2.23	16/64	8/27	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH19
12	DH31902267	Nguyễn Nhật	Huy	D19_DDT01																												6.40	5.04		5.21	5.52	46/64	21/27				ĐẠT	DH19
13	DH31904982	Trần Gia	Huy	D19_DDT01																												6.15	5.92	6.00	6.11	6.14	57/64	25/27				ĐẠT	DH19
14	DH31901497	Trần Mai	Hưng	D19_DDT01																												4.70	5.32		5.11	5.06	36/64	18/27				ĐẠT	DH19
15	DH31902899	Huỳnh Đỗ Đăng	Khoa	D19_DDT01																												5.60	5.88	7.00	7.42	6.44	56/64	25/27				ĐẠT	DH19
16	DH31901303	Nguyễn Xuân Nhị	Khuê	D19_DDT01																												6.30	6.40	7.00	6.74	6.61	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
17	DH31901896	Lỡ Đức	Mạnh	D19_DDT01																												6.80	4.76		6.00	5.77	49/64	22/27				ĐẠT	DH19
18	DH31902192	Hà Quốc	Minh	D19_DDT01																												5.60	5.68		6.21	5.81	58/64	24/27				ĐẠT	DH19
19	DH31904002	Thiều Quang	Minh	D19_DDT01																												7.95	7.76		8.32	7.98	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
20	DH31903082	Nguyễn Trần Đức	Nguyên	D19_DDT01																												6.10	5.96	6.00	7.05	6.42	56/64	25/27				ĐẠT	DH19
21	DH31902337	Lê Ngọc Thành	Nhân	D19_DDT01																												6.10	5.16		5.42	5.53	44/64	21/27				ĐẠT	DH19
22	DH31904137	Võ Duy	Nhân	D19_DDT01																												6.65	5.76		5.95	6.09	54/64	24/27				ĐẠT	DH19
23	DH31904175	Trương Văn	Nhiều	D19_DDT01																												5.25	1.20		5.42	3.72	26/64	13/27				ĐẠT	DH19
24	DH31900175	Lương Tấn	Phát	D19_DDT01																												6.95	6.88		7.53	7.09	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
25	DH31900283	Nguyễn Thành	Phát	D19_DDT01																												5.35	5.48	6.00	5.68	5.59	46/64	22/27				ĐẠT	DH19
26	DH31902698	Nguyễn Trường	Phúc	D19_DDT01																												5.70	5.04		5.05	5.25	43/64	20/27				ĐẠT	DH19
27	DH31900087	Hoàng Cẩm	Quyền	D19_DDT01																												4.80	4.32		4.47	4.52	27/64	13/27				ĐẠT	DH19
28	DH31901189	Nguyễn Văn	Quyết	D19_DDT01																												5.00	5.84	5.00	5.95	5.70	63/64	26/27				ĐẠT	DH19
29	DH31904476	Nguyễn Tấn	Thành	D19_DDT01																												6.65	7.12		6.89	6.91	57/64	25/27				ĐẠT	DH19
30	DH31902417	Lê Nguyễn Phúc	Thiện	D19_DDT01																												5.05	5.48	5.00	5.79	5.58	50/64	23/27				ĐẠT	DH19
31	DH31905436	Đặng Đức	Thức	D19_DDT01																												8.20	8.64		8.58	8.48	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
32	DH31904642	Lê Mạnh	Tiến	D19_DDT01																												8.15	9.00		9.37	8.84	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
33	DH31902420	Lê Thị	Trinh	D19_DDT01																												6.80	6.60		7.63	6.97	60/64	26/27				ĐẠT	DH19
34	DH31904788	Nguyễn Văn	Trường	D19_DDT01																												6.65	6.16		7.11	6.59	60/64	26/27				ĐẠT	DH19
35	DH31900067	Đồng Thế	Vinh	D19_DDT01																												5.65	5.32		6.58	5.80	50/64	23/27				ĐẠT	DH19

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ - KHÓA 2019

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
36	DH31900515	Trang Trung	Vĩnh	D19_DDT01																												3.65	3.96		5.58	4.34	29/64	15/27				ĐẠT	DH19
37	DH31900518	Phạm Hồ Khánh	Vũ	D19_DDT01																												4.00	3.64		5.95	4.44	41/64	19/27				ĐẠT	DH19
38	DH31901690	Yên Ngọc Như	ý	D19_DDT01																												4.20	0.24		1.05	1.72	9/64	4/27	CCHV_2	NoHP		DC	DH19

Lưu ý:

- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú:

Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1

102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè

111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT ĐIỆN TỬ, VIỄN THÔNG - KHÓA 2019

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH41901181	Nguyễn Trần Đan	Anh	D19_VT01																												6.00	5.28		6.11	5.75	44/64	21/27				ĐẠT	DH19
2	DH41903225	Đinh Thanh	Bình	D19_VT01																												5.70	5.68		7.42	6.20	58/64	25/27				ĐẠT	DH19
3	DH41903254	Trần Lê Minh	Châu	D19_VT01																												6.55	6.08		7.37	6.61	60/64	26/27				ĐẠT	DH19
4	DH41905128	Đoàn	Đức	D19_VT01																												6.10	6.96		6.68	6.83	58/64	25/27				ĐẠT	DH19
5	DH41903463	Lưu Huỳnh Khánh	Giang	D19_VT01																												4.90	5.08	0.00	6.11	5.33	42/64	20/27				ĐẠT	DH19
6	DH41903576	Lê Trọng	Hiếu	D19_VT01																												4.80	4.92		4.59	5.00	38/64	19/27				ĐẠT	DH19
7	DH41905299	Trần Đức Trung	Hiếu	D19_VT01																												4.95	5.40		5.16	5.19	38/64	18/27				ĐẠT	DH19
8	DH41902150	Nguyễn Ngọc Diễm	Hương	D19_VT01																												5.35	5.48		6.47	5.73	50/64	23/27				ĐẠT	DH19
9	DH41905082	Giang Tuấn	Kiệt	D19_VT01																												5.70	5.24		5.32	5.41	42/64	19/27				ĐẠT	DH19
10	DH41901505	Nguyễn Văn	Kiệt	D19_VT01																												4.50	4.60		5.05	4.70	32/64	16/27				ĐẠT	DH19
11	DH41902757	Phan Trung	Nghĩa	D19_VT01																												5.65	5.96		5.84	5.83	51/64	23/27				ĐẠT	DH19
12	DH41802822	Phạm Trần Đình	Tấn	D19_VT01																									2.21	0.14		1.50	0.00		0.00	0.74	3/64	2/27	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
13	DH41905491	Phạm Ngọc	Trung	D19_VT01																												6.30	6.04		6.26	6.19	61/64	26/27				ĐẠT	DH19
14	DH41904770	Trần Minh	Trung	D19_VT01																												6.65	6.52		0.00	4.63	39/64	16/27	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH19
15	DH41900764	Đồng Lê	Tuấn	D19_VT01																												6.60	6.28		7.05	6.61	64/64	27/27				ĐẠT	DH19
16	DH41904815	Huỳnh Anh	Tuấn	D19_VT01																												4.75	5.32		5.89	5.31	43/64	20/27				ĐẠT	DH19

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**